

Đồng Đội Võ Bị, Đồng Môn Petrus Ký.

K19 VB.Captovan LPK 55-62

*“Đồng môn” là những trò học cùng một thầy,
“Đồng đội” là những người lính cùng một đơn vị.*

Xin mở rộng tấm lòng và vòng tay để người lính già ở tuổi 83 được gọi những người học cùng một trường, dù khác lớp, là “đồng môn”, xin được coi những anh em cùng mặc áo lính, dù khác binh chủng, là đồng đội, để nhắc nhớ đến những đồng đội cũng là đồng môn Petrus Trương Vĩnh Ký trân quý, những vị mà trò tôi đã được hân hạnh tiếp xúc, hoặc sống chung với nhiều kỷ niệm khó quên. Nay thì đa số những vị ấy đã an nghỉ chốn bình yên, những ai may mắn còn được thờ thì cũng đang bước vào thời kỳ nhớ-nhớ, quên-quên, đang xếp hàng chờ ngày bay về dự ngày đại hội “trăm năm” dưới mái trường xưa, Petrus Trương Vĩnh Ký tại Sài Gòn.

Suốt bảy năm trời ngồi dưới mái trường, rồi tị nạn ở hải ngoại, sinh hoạt cùng hội LPKý Nam California, trò tôi có nhiều kỷ niệm vui buồn qua các bài viết:

- Thầy Cũ Trường Xưa.
- Sư Huynh Đệ LPK.
- Bán Chữ Làm Thầy.
- Mi Sinh Tiên.

- LP Ký, Huynh Đệ Cùng Ký
- LPK Hợp Mặt Kỷ Niệm 90 Năm.
- LKP Hợp Mặt 2022.
- LPK Trường Tôi, Khung Trời kỷ Niệm (Đại Hội 2023).
- Tình Đồng Đội, Nghĩa Đồng Môn

Tương thế đã đủ, nhưng Thầy Dương Ngọc Sum bảo: “Tôn Sư Trọng Đạo”, tình đồng môn mãi mãi vẫn còn thì trò còn phải viết. Ban Biên Tập và Chủ Bút Đặc San LPKý ra chủ đề “Truyền Thừa” cho Đại Hội 2024 và bảo trò tôi viết.



- Dạ (vâng) viết thì viết, tôi mang nội dung chún bài trước “xào nấu” lại, thêm chút gia vị để có bài mới với tựa đề: “Đồng Đội VB Cũng Là Đồng Môn LPKy”. Nếu phải nhắc lại những điều đã viết thì xin quý Thầy Cô tha lỗi, đồng môn, đồng đội miễn chấp.

“Tôn Sư Trọng Đạo” là kim chỉ nam của học trò, trước khi kể chuyện về đồng môn, tôi xin được nhắc lại quý danh những Thầy Cô đã dạy tôi trong suốt bảy năm trời. Khi trò đã 83 tuổi đời thì quý thầy cô hẳn đã cao niên. Trò xin được viết quý danh thầy cô như một lời thăm hỏi, nếu thầy cô nào đã qui tiên thì xem đây như nén nhang lòng, kính dâng lên thầy cô để nhớ công ơn dạy dỗ.

Thầy Phạm Văn Ba dạy Pháp Văn, Thầy Thái, Thầy Đồ dạy Anh Văn, Thầy Bình dạy Hình Học, Thầy Đảnh, Thầy Đính dạy Vật Lý, Thầy Tạ Ký, Thầy Thái Chí dạy Việt Văn, Thầy Lê Trọng Phóng, Cô Sâm, Cô Dung dạy Sử Địa, Thầy Trần Thượng Thủ, Cô Ngà, Cô Thiên Kim, Thầy Bích, Thầy Giỏi,

Thầy Sum v.v...

Kể từ ngày rời trường (1962) tới nay (2024), tôi chưa có dịp được gặp lại quý thầy cô kể trên, trừ Thầy Dương Ngọc Sum. Tôi gặp Thầy Sum trong hội LPK Nam CA, Thầy là cố vấn, là chỗ dựa vững chắc của hội, Thầy và phu nhân - Cô Hiệp, luôn có mặt trong mọi sinh hoạt của hội nên Thầy Cô được mọi người thương mến kính trọng.

Điểm đáng quý là Thầy Sum thương mến những người lính-đồng đội của tôi, nên Thầy hết lòng yểm trợ các thương phế binh (TPB). Thầy khuyến khích tôi viết, mỗi khi có bài về “lính” thì gửi cho Thầy đọc. Khi tôi ra mắt sách *Nửa Đường* thì Thầy và Hội LPK cùng Ủy Viên Giáo Dục Westminster Thế Thủy đến dự. Khi tôi phát hành *Huynh Đệ Chi Binh Thủy Quân Lục Chiến* để gây quỹ cho TPB/TQLC thì Thầy mở rộng tấm lòng và kêu gọi các trò LPK ủng hộ, như Quách Đại (10), Cao Cường (5 cuốn), Thành Lâm, Thái Đỗ, T. Ván, Douglas Trần và những bằng hữu Gia Long, Trung Vương, Lê Văn Duyệt như Doãn Cẩm Liên, Henny Nguyễn, Jackie Trần, Châu Hồng, Tường Vi, Ba Dung, Khôi An, Diệu Hương v.v... nhờ vậy kết quả tài chánh được khả quan.

Lời Chúa: “Đừng cho tay trái biết khi tay phải làm việc thiện”.

Đó là chuyện của hai ngàn năm trước, ngày nay cần biết những tấm gương sáng để người người noi theo. Và lại, “tay phải” làm việc thiện ở đây chính là Thầy Sum, đồng môn LPK cùng các thân hữu nên cuốn *Huynh Đệ Chi Binh TQLC* đã trao được sáu ngàn đô la cho TPB và cô nhi.

Thay mặt các TPB, trò xin cảm ơn Thầy Sum, đồng môn LPK và quý thân hữu.

Các Đồng Môn Cũng Là Đồng Đội.

Đồng môn lớn nhất mà tôi hân hạnh được quen biết, đó là “Anh Sáu” Bồ Đại Kỳ, biệt danh “Bydaiko”. Khi anh tốt nghiệp, rời trường LPK thì tôi mới vô lớp *Đệ Thất* nên tôi

không biết anh. Xưa anh là lính Không Quân, còn tôi là lính TQLC, cùng là lính (đồng đội) nhưng không biết nhau. Cho đến một ngày-năm 2015, tại hải ngoại, tôi được “Exemplary Writer Award” Viết Về Nước Mỹ do Việt Báo tổ chức. Người trao giải cho tôi lại là giám khảo Bồ Đại Kỳ. Khi biết tôi là lính, là đồng môn, anh dặn trước:



Thầy Sum nhấn nhủ trò Cấp ngày trò ra mắt sách Nửa Đường, 2018.

- Anh là Không Quân, chú là TQLC, chúng ta là đồng đội, nên khi gặp để trao và nhận giải, anh em mình đưa tay chào nhau theo lối nhà binh.

Tôi thật sự xúc động và hạnh phúc khi nghe anh nói vậy, khác với ba lần trước, bình thường thôi. Từ đó tôi gọi anh là “Anh Sáu”, còn anh gọi tôi là “Chú Tư”.

Anh Sáu Kỳ mang cấp bậc Đại Tá. Nếu bình thường thì tôi gọi anh là đại tá như những đại tá khác, nhưng qua cách xử thế của một người anh, nên tôi gọi anh là “Anh Sáu”. Anh Sáu Bồ kính mến của đàn em “hậu bối”.

Một đồng môn khác, đồng đội TQLC của tôi là “Anh Sáu” Cổ Tấn Tinh Châu.

Anh Châu là LPK 1948-1954, sau khi ra trường, anh gia nhập Quân Đội, cấp bậc và chức vụ sau cùng là Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Đặc Khu Rừng Sát. Trước đó Anh là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC. Anh cũng là một nghệ sĩ, sáng tác nhạc, vẽ tranh, viết văn. Tại Little Saigon anh và tôi luôn gắn bó với nhau trong sinh hoạt hội LPK và TQLC.

Anh Sáu Cổ Tấn Tinh Châu có người em ruột là Cổ Tấn Tinh (dấu nặng) Châu. Tinh Châu cũng học LPK, tình nguyện về Tiểu Đoàn 5 TQLC và Tinh Châu đã hy sinh 12/1967 trong trận Rạch Ruộng, Định Tường. Trận chiến khốc liệt, khi Đại Đội Trưởng là Trung Úy Cổ Tấn Tinh Châu hy sinh, Đại Đội Phó là Trung Úy Trần Văn Chích lên thay thế thì Chích cũng lại tử trận ngay sau đó! Trần Văn Chích cũng là dân LPKý

Khi nhắc tới Anh Sáu Cổ Tấn Tinh Châu, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC, có em ruột là LPK Tinh Châu đã hy sinh thì cũng phải nhắc tới Cổ Anh Sáu Lê Hằng Minh.

Một gia đình có ba anh em cùng học LPK cùng mặc quân phục. Đó là Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, Trung Tá TQLC Lê Hằng Minh, và Đại Úy TQLC Lê Hằng Nghi.

LPK Lê Hằng Minh, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC đầu tiên khi Tiểu Đoàn này mang danh “Trâu Diên”, là cấp chỉ huy văn võ song toàn, hết lòng lo cho binh sĩ. Tuy nhiên, Tiểu Đoàn Trưởng Lê Hằng Minh TQLC sống hùng, sống mạnh mà không sống lâu! Anh đã tử trận cùng 41 thuộc cấp ngày 29/6/1966 tại Phò Trạch, Phong Điền Huế khi mang cấp bậc Trung Tá. Vì thế nên tôi mới gọi anh là “Cố” Anh Sáu LPK Lê Hằng Minh.

Một LPK khác là Thiếu Tá Dương Hạnh Phước, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 TQLC đã hy sinh ngày 16/6/1966 trong trận Mộ Đức Quảng Ngãi và 2 cố vấn Mỹ, Bác Sĩ Lê Hữu Sanh cùng gần 100 sĩ quan, hạ sĩ quan, và binh sĩ!

Chỉ trong vòng 10 ngày, từ 19/6/1966 đến 29/6/1966, 2 Tiểu Đoàn Trưởng TQLC xuất thân LPK là Lê Hằng Minh

và Dương Hạnh Phước đã hy sinh ngoài chiến trường! Vậy thì trong suốt cuộc chiến chống cộng để bảo vệ Miền Nam Tự Do, có biết bao các cựu học sinh Petrus Ký thuộc các quân binh chủng đã hy sinh cho Tổ Quốc?

Không ai biết được, không có sử liệu nào ghi chép! Nếu có thì chỉ là những bài viết cá nhân, chuyện vụn vặt của những LPK sống sót sau cuộc chiến kể lại cho đồng môn “nghe qua rồi bỏ”! Nhiều lắm những LPK đã tử trận mà nhiều đồng môn không biết nên các anh trở thành những “Chiến Sĩ Vô Danh”!



Anh Sáu Bồ Đại Kỳ và Captovan khi tác giả đang nhận giải thưởng, “Exemplary Writer Award” Viết Về Nước Mỹ do Việt Báo tổ chức, 2015

Chiến tranh bắt đầu khốc liệt vào năm 1960, thanh niên cả nước “xếp bút nghiên theo nghiệp đao binh”, hăng hái lên đường nhập ngũ để bảo vệ Tự Do. Nếu chẳng may: “Rớt tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà...” còn những chàng LPK qua ải Tú Tài, tùy theo sở thích mà chọn quân trường Thủ Đức, Võ Bị, Hải Quân, Không Quân v.v.. Riêng lớp Đệ Nhất B1 (1962) chúng tôi có 45 trò, sau khi đậu “Tú Hai” xong là rủ nhau vào Khoá 19 Trường Võ Bị Đà Lạt 15 người, đó là những bạn:

Nguyễn Đức Cẩn (**), Tô Văn Cấp, Phạm Thượng Chí (**), Trần Văn Chích (**), Lê Văn Chiểu (*), Lê Đình Điền (**), Đinh Văn Hơn, Hoàng Hiếu, Trọng Hiền (*) Văn Kiệt, Ngô Văn Nô (**), Phan Văn Quan, Phạm Thanh Quang, Nguyễn Thái Quan (**), Lê Quan Trường.

Những dấu (**) là tử trận, (*) là tử trần.

Nếu làm phép tính lớp Đệ Nhất B1 tôi thì 1/3 học sinh vào lính (15/45). Vào lính thì hơn 1/3 hy sinh ngoài chiến trường (6/15). Nếu tính tổng số trò các lớp Đệ Nhất đi lính rồi tử trận thì con số các cựu LPK hy sinh cho Tổ Quốc không phải ít.

Sau 30/4/1975, những đồng môn, đồng đội của tôi như đàn ong bị vỡ tổ, vào tù, vượt biển, hưởng thọ v.v.. khó mà biết ai còn ai mất. Cho đến năm 1990 tị nạn tại Hoa Kỳ, rồi sinh hoạt với Hội LPK, tôi mới gặp lại một đồng lớp là Võ Thành Thời, vài đồng môn già đồng thời như Biệt Cách Dù Lê Thành Lân, Trịnh Thành, Nhảy Dù Phạm Gia Cồn. Còn những bạn khác, nay ở đâu cả rồi? Những ai đã về chốn bình an như Nhảy Dù Phạm Gia Cồn vừa mới qua đi!

Xin nhắc lại một chút kỷ niệm về Nhảy Dù Phạm Gia Cồn

Ở LPK, Phạm Gia Cồn trên tôi một lớp nên tôi gọi Cồn là “Huỳnh Trường”, nhưng khi Cồn vào Quân Y, lên Trường Võ Bị Đà Lạt học quân sự năm 1964, còn tôi học năm 1962, nên Cồn lại gọi tôi là “Niên Trường”. Ở hải ngoại, mỗi Chúa Nhật, gặp nhau tại café F... Nhảy Dù Phạm Gia Cồn và TQLC Tô Văn Cấp cùng đưa tay chào nhau theo lối nhà binh.

Tuy là “ông Đốc” với 5 chữ “sĩ”, nhưng Cồn bình dân, là người của mọi người, vì mọi người, hình như những “ông đốc” gốc LPK đều bình dân, tử tế như thế cả.

Ngày Chương Môn Hoàng Hạc tặng CD khí công cho quý Thầy Cô, Nhảy Dù Cồn bắt TQLC tôi bung khay CD để Cồn rảnh tay múa võ. Mới đó mà chàng “năm” sĩ (ca, nhạc, võ, bác, binh sĩ) bất ngờ ra đi, từ già gia đình và LPK mà “chẳng bảo gì nhau”!

(Cấp bung khay CD cho Cồn.)

“Sinh lão bệnh tử”, những đồng đội, đồng môn già dần dần bỏ ta đi... nên những buổi họp mặt LPK, nhìn quanh chẳng còn mấy ai, bâng khuâng, tự hỏi: “Họ ở đâu cả rồi?”

Nhưng... nhưng cũng được an ủi, “còn một chút gì để nhớ để thương” của những bạn trẻ LPK. Gọi là trẻ, nhưng thực ra các bạn ấy cũng đã là những ông nọ, bà kia cả rồi, có thể là ông bà nội ngoại.

Viết về kỷ niệm với LPK không bao giờ cạn, nhưng bài đã dài, độc giả đã mỏi mắt nên tôi xin kết thúc bằng một kỷ niệm đáng quý của những LPK trẻ NK 1968-1975.

* * *

Tết Mậu Thân 1968, Tiểu Đoàn 2 TQLC (Trâu Điền) của tôi thanh toán xong “phe thắng cuộc” ở khu vực Chùa Ấn Quang, tóm được “bạn ta” - Bảy Lốp, trong “sắc-cốt” của Lốp có bản đồ Sài Gòn Chợ Lớn ghi mục tiêu (màu đỏ) sẽ đánh chiếm, trong đó có trường LPK và khu đại học, (bao quanh bởi bốn đường: Nguyễn Hoàng, Cộng Hoà, Thành Thái, Trần Bình Trọng). Nó mà chiếm khu nhà cao tầng này, nhòm thẳng vào thành Ô-Ma Cảnh sát thì tiêu đời quan ta, nên Ông Sáu Lèo điều động TQLC tôi đến phòng thủ khu này trước.

Ban chỉ huy đại đội tôi đóng quân ngoài thành Ô-Ma, trước của trường LPK nên hằng ngày tôi thấy các chú nhỏ quần xanh áo sơ-mi trắng tung tăng ra vào, nhiều chú nhỏ (nhất... thứ ba học trò) tò mò đòi xem các cây súng XM16, M79, thấy dễ thương quá, tôi hỏi:

- Các em học lớp mấy?
- Thưa ông..., lớp Đệ Thất.
- Có muốn lấy mấy cây súng này không?

Các chú nhe răng cười, lắc đầu, lè lưỡi.

Thời gian qua mau, 47 năm sau (1968-2015).

Thứ Bảy, ngày 7/2/2015 tôi có 2 buổi họp mặt:

1. Thầy - Trò LPK họp mặt kỷ niệm 40 năm tị nạn tại Little Saigon.

2. Tiểu Đoàn 2 TQLC Trâu Điền họp mặt với cựu cố vấn

Mỹ tại San Diego.

Suy đi tính lại, tôi chọn buổi họp mặt với LPK ý nghĩa hơn, còn họp mặt với cựu cố vấn Mỹ thì nói chuyện “mỗi tay”. Buổi họp mặt này chỉ có ba người:

- Cựu Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Ngô Văn Định.

- Cựu Đại Úy Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 Tô Văn Cấp.

- Cựu cố vấn Mỹ Đại Úy John Sheehan.

Mục đích buổi họp mặt là để Mr John Sheehan (nay là Đại Tướng 4 sao) ôn lại trận đánh liên tục ba ngày (14-17/9/1968) tại mật khu Hồ Bò, Bời Lời, chiến khu D. Trong trận này có ba cố vấn Mỹ đi với tôi bị nạn:

Lt Charles James More tử thương (14/9), Captain Carl White đến thay thế More thì White bị trọng thương (16/9). Lt Joe Bargerstock xuống thay thế White, nhưng trực thăng bị phòng không bắn nên Bargerstock bị rơi vào tuyến VC, nhưng lính tôi đã cứu sống được. Bargerstock về và tử thương, vì anh ta bị bắn vào ngực và tét vai.

Đó là lý do General John Sheehan muốn gặp lại chúng tôi để ôn chuyện cũ.

Nhưng chỉ Trung Tá Định gặp Sheehan, còn tôi thì họp mặt với LKP thú vị hơn. Vì tôi không đến nên ông John gửi email cho tôi như sau:

* * *

John Sheehan jjsheehan010@gmail.com ***

To: Trau Dien Major To Van Cap

I am deeply touched by your article. Each time I read it, I remember how proud I am be included as a member of the Trau Dien family.

Major To Van Cap, I was very disappointed that you were not able to attend. The bravery of the Marines of your company

to save First Lieutenant Joe Bagerstock was not only an act of bravery but also demonstrated the special relationship between the VNMC and the USMC.

That is a bond that was forged under fire and transcends time and distance.

I have included a copy of a picture of one of your Marines that help save Lt. Bagerstock. (Sorry the picture is not clearer but it is like us over fifty years older.)

One brief personal story. Frequently when I attend a USMC event I wear my VNMC tie (a treasured gift) The younger Marines all ask about the VNMC and they are fascinated with its history and battle exploits.

Thank you again for writing of this special reunion. I will always remember the leadership example and bravery of Col. Dinh and you. I became a better U.S. Marine because of him.

Semper Fi!** Trau Dien

Jack Sheehan.

* * *

Trở lại buổi họp mặt với LPK tại Little Saigon ngày 7/2/2015:

Khi tôi vừa đến thì được một bạn trẻ nhận diện rồi dẫn tới gặp 10 chàng LPK niên khóa 1968-1975. Một em nói:

- “Năm 1968, chúng em mới bắt đầu bước chân vào lớp Đệ Thất LPKý thì đã thấy các anh lính “Trâu Điền” chạy tới chạy lui quanh trường Petrus Ký và đánh đuổi VC trong Chợ Lớn, khiến chúng em cảm phục. Sau này đọc báo mới biết có anh trong đoàn quân đó và anh cũng là một Petrus Ký làm chúng em càng hãnh diện hơn, nên nhân dịp họp mặt kỷ niệm 40 năm tị nạn, chúng em xin tặng anh chút quà làm kỷ niệm...”.

Tôi vô cùng ngạc nhiên, quá bất ngờ rồi cảm động đến nỗi trợn mắt, nghẹn họng không nói lên được một lời!

Khi các em vừa bước chân vào Đệ Thất (1968) thì tôi đã là “Trâu Diên”, lăn lộn trên khắp chiến trường, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, lên Cao Nguyên, xuống đồng bằng. Tôi chưa hề biết các em, vậy sao các em biết tên tôi rồi tặng quà?

Tôi đã được Quân Đội thưởng huy chương, nhưng mỗi huy chương là một lần đổ máu và nước mắt, năm ngôi sao đỏ (chiến thương bội tinh) là năm lần “đạn đi qua người tôi”. Nhưng tôi chưa hề giúp các em bất cứ điều gì mà sao các em tặng quà là điều khó tin.

Bỗng dưng các em khiến tôi nhớ lại hồi chú bé con “Bắc Kỳ di cư 1954” mà dám thi vào học lớp Đệ Thất LPKý, thì giống như một con cừu non run sợ giữa “đàn sói”. Nay đứng bên các bạn trẻ, nếu ai tinh ý thì sẽ thấy một ông già 75 đang thẹn thùng, lúng túng. 10 ngón tay cứ xoắn vào nhau như con dâu mới đứng trước mặt mẹ chồng (thời xưa). Quả thật tôi thấy bé nhỏ trước tầm lòng rộng lượng của các em. Tôi gọi họ là “các em”, nhưng thật ra họ đã là những ông ở độ tuổi 58-60 với những chức tước “sĩ & sư” ngoài xã hội.

Thấy tôi cứ lí nhí bối rối về món quà thì một em khác trấn an với lời lẽ chân tình:

- “Mong anh chớ quá bận tâm về món quà của chúng em. Như Nguyễn Cao Cường đã nói, chúng em muốn làm một điều gì đó có ý nghĩa nhân ngày kỷ niệm 40 năm. Chúng em có được ngày hôm nay, một phần cũng nhờ vào sự hy sinh cao cả của các anh để chúng em được an tâm việc sách đèn. Những năm thời Trung Học của chúng em gắn liền với các biến động lớn và chiến tranh ở VN, nhất là năm 1968 khi các em mới vào Đệ Thất thì VC tấn công vào Saigon và các anh đã đem thanh bình trở lại cho Thủ Đô. Một lời cảm ơn gửi đến anh cũng như các chiến sĩ trong quân lực VNCH là việc phải làm dù có muộn màng.

Riêng em và Cường đã đọc rất nhiều bài viết của anh, từ những chuyện trong thời chinh chiến, đến chuyện ngày nay,

chuyện cộng đồng kể cả các bài viết về gìn giữ tiếng Việt trong sáng của anh. Em và Cường cảm nhận được tấm lòng của anh trong các bài viết đó cho nên mới có “Cảm Phục và Ngưỡng Mộ”.



*Đại diện nhóm cựu học sinh L. Petrus Ký 1968-1975., trong buổi họp mặt tháng 7, 2015. tại Little Saigon, California. **

Thưa anh, việc chúng em đường đột đến làm phiền anh trong buổi họp mặt này bắt nguồn từ những bài anh đã viết. Tuy chưa được hân hạnh gặp anh, nhưng qua những gì anh viết, em và bạn Nguyễn Đình Anh rất cảm phục và ngưỡng mộ sự hy sinh quá lớn lao của anh và gia đình anh cho đất nước khi ở quê nhà. Sang đến đây, nơi đất khách quê người, và cũng phải chật vật như mọi người khác để lập lại cuộc đời mới thế mà anh vẫn không quên những bạn đồng đội TPB bên quê nhà. Những hành động này làm chúng em ngưỡng mộ anh và là niềm hãnh diện cho trường cũ.

Cuộc họp mặt có cái tên là Kỷ Niệm 40 năm vô tình trùng với thời gian niên khóa 68-75 chúng em tốt nghiệp trung học nên có đông các bạn cùng khóa quyết định cùng đi. Vì cái tên của cuộc họp là kỷ niệm 40 năm nên bạn Nguyễn Đình Anh và em có suy nghĩ là nên làm gì cho có ý nghĩa. Hai đứa em

quyết định là không có gì hay hơn là cảm ơn các đàn anh đã hy sinh xương máu bảo vệ đất nước để các em được yên lành nơi hậu phương, thụ huấn các thầy, cô ở Pétrus Ký để có được ngày nay. Hơn nữa, việc cảm ơn các thầy cô thì năm nào cũng có, nhưng cảm ơn đàn anh thì em chưa thấy nên cũng muốn trường mình tạo một truyền thống.

Tụi em làm cái plaque xong rồi thông báo cho tất cả các bạn cùng niên khóa xin ý kiến, mọi người lên tiếng tán thành. Tóm lại, việc này là từ lòng cảm phục một đàn anh đã và đang làm khiến hậu bối chúng em ngưỡng mộ.

Chú Thích:

* Đại diện nhóm cựu học sinh L. Petrus Ký 1968-1975.

- Nguyễn Cao Cường (Arizona).
- Nguyễn Đình Anh (Bắc California).
- Tôn Trọng Văn (Bắc California).
- Phan Tấn Bằng (Bắc California).
- Nguyễn Đại Anh Minh (Bắc California).
- Võ Thanh Sơn (Bắc California).
- Nguyễn Trung Quân (Bắc California).
- Ngô Quang Hiến (Nam California).
- Vũ Duy Quang (Nam California).
- Bùi Thanh Sơn (Nam California).
- Phạm Thư Đôn (Houston). Võ Bá Hải (Colorado).
- Ysa Cosiem (Maryland). Vũ Hùng Đức (Germany).
- Các đệ 68-75 và huynh 55-62.

CA 30/5/24.

Thân Mến LPK

** Semper Fi! (Luôn Thành Thật!) là khẩu hiệu của lính TQLC Hoa Kỳ (còn tại ngũ, đã giải ngũ, hoặc về hưu) dùng khi chào hỏi nhau, hay nói chuyện với nhau, giống như “Tự Thắng Đề Chủ Huy!” “Nhảy Dù - Cố Gắng!” “BĐQ - Sát!”, hay như một thành ngữ khuyến khích lòng can đảm. Những

người ở ngoài binh chủng TQLC Hoa Kỳ không nên dùng
khẩu hiệu này, vì không thích hợp đối .

*** Bản dịch Email của John Sheehan jjsheehan010@
gmail.com

Thiếu Tá Trâu Điền Tô Văn Cấp,

Tôi thực sự cảm động về bài viết của bạn. Mỗi lần đọc tôi
lại nhớ mình tự hào biết bao, khi được làm thành viên của gia
đình Trâu Điền.

Thiếu Tá Tô Văn Cấp, tôi rất tiếc vì bạn không thể tham
dự buổi hội ngộ. Lòng can đảm của những người lính TQLC
thuộc đại đội của bạn cứu Trung Úy Joe Bagerstock không chỉ
là một hành động dũng cảm mà còn thể hiện mối liên hệ đặc
biệt giữa TQLC Việt Nam và TQLC Hoa Kỳ.

Đó là liên kết được rèn giũa dưới lửa và vượt trên cả thời
gian và khoảng cách.

Tôi đã đính kèm bản sao bức ảnh người lính TQLC của
bạn đã cứu Trung Úy Bagerstock. (Xin lỗi, bức ảnh không
rõ hơn, nhưng nó giống như chúng ta già hơn, sau năm mươi
năm vậy.)

Một câu chuyện tóm tắt thuộc về cá nhân. Khi tham dự
một sự kiện của TQLC Hoa Kỳ, tôi thường xuyên đeo cà vạt
của TQLC Việt Nam (một món quà quý giá). Các người lính
TQLC trẻ đều hỏi về TQLC Việt Nam và họ say mê với lịch
sử cũng như thành tích chói lọi của nó.

Cảm ơn bạn một lần nữa vì đã viết về cuộc hội ngộ đặc biệt
này. Tôi sẽ luôn ghi nhớ tấm gương lãnh đạo và sự dũng cảm
của Đại Tá Định và bạn. Nhờ ông ta, tôi đã trở thành một lính
TQLC Hoa Kỳ khá hơn.

Semper Fi! Trau Dien
Jack Sheehan.

Tân Phú Trung, Hóc Môn - Củ Chi

“Trận Đánh Ven Đô”

BCD. Lê Đức Lực



*“Ngày bao hùng binh tiến lên,
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến...”*

(Xuất Quân. Phạm Duy)

Vào khoảng cuối Tháng 1 Năm 1974, Việt Cộng đưa một đơn vị thuộc Tiểu Đoàn 9, Trung Đoàn 173, Sư Đoàn 7, đánh chiếm và đóng chốt trên Quốc Lộ 1, cách ngã ba Tân Phú Trung và Hương Lộ 2 chừng 500 mét, kéo dài gần tới khu vực định cư của đồng bào Việt từ Campuchia chạy về lại Miền Nam, sau vụ Lonol “cấp duồn” ở Xứ Chùa Tháp.

Suốt một tuần qua, giao thông bế tắc, xe hơi từ Sài Gòn đi

Tây Ninh, hay ngược lại, đã không qua lại được vì Việt Cộng đóng chốt. Địch lùng sục, bắt giết các Viên Chức Xã Ấp, tước khí giới Nhân Dân Tự Vệ, quấy phá cuộc sống yên lành của người dân quê ở khu vực này.

Địch đóng chốt trải dài hai bên Quốc Lộ 1. Về phía tay phải, hướng từ Sài Gòn lên, nơi đây có nhiều nhà cửa, vườn tược, chúng chỉ đặt một vài chốt. Phía đối diện, dân cư thưa thớt, địa thế lại trống vắng, khó khăn cho địch trà trộn, ẩn nấp và di chuyển thì chúng đào công sự, rải chốt dọc theo Quốc Lộ. Cách dàn quân bố trí nguy trang có kế hoạch bài bản để đánh lừa chúng ta, làm cho phía ta lầm tưởng nghĩ rằng địch từ hướng Đông Bắc, tức hướng sông Sài Gòn. Củ Chi, địch thường huênh hoang là “đất thép thành đồng” là nơi chúng ẩn náu. Từ vùng đất thép này, chúng có thể vượt Sài Gòn, bên kia sông ăn thông với vùng Rạch Bắp, Bến Cát, xa hơn là Dầu Tiếng của Tỉnh Bình Dương. Đó là những căn cứ địa, mật khu của chúng, nơi trong ngôn ngữ chiến tranh, gọi là vùng “Tam Giác Sắt” của giặc cộng. Nhưng thật sự trái ngược.

Đơn vị Việt cộng bố trí chốt hầu hết bên trái Quốc Lộ 1, trang bị nhiều loại vũ khí nặng, bao gồm đại liên, trung liên, có hầm tác xạ súng cối 82 ly, đồng thời thiết lập một mạng lưới liên lạc bằng điện thoại chằng chịt khắp nơi, giữa các chốt, đang đóng bao quanh toàn Xã Tân Phú Trung. Bọn chúng dương Đông kích Tây, tập trung hỏa lực về hướng trái trục lộ, và đồng loạt sử dụng các loại vũ khí này, để chống trả lại các cuộc tấn công của Quân Đội VNCH. Điều này đã cho thấy, đơn vị địch đang hoạt động nơi đây thuộc Bộ Đội chính qui cộng sản Bắc Việt xâm lược, không phải là Dân Quân địa phương.

Vùng này, thuộc trách nhiệm của Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Các đơn vị Địa Phương Quân, Nghĩa

* * *

Quân Quận Củ Chi, dù am tường, thông thuộc địa thế, cũng

không làm gì được chúng. Tiếp sau đó Sư Đoàn 25 Bộ Binh đã đưa thêm hai đại đội đến giải tỏa, cũng chịu bó tay. Chiến thuật đóng chốt của Việt Cộng, gây rất nhiều khó khăn cho ta. Nhờ một chốt chỉ có vài ba tên địch, không bao giờ là việc dễ dàng, nếu binh sĩ của ta không can trường, mưu trí hay đã từng được tôi luyện trên các trận địa.

Các đơn vị không được cái tiếng là thiện chiến nếu không sử dụng Pháo Binh, không yểm đề tác xạ, oanh kích, thì khó mà thành công khi tấn công vào các chốt của địch. Mọi hỏa lực yểm trợ bằng phi pháo, không thể sử dụng ở đây, khu vực dân cư đang sinh sống. Cấp Chỉ Huy tuyệt đối tránh gây thương vong và thiệt hại về nhân mạng, nhà cửa, tài sản của dân chúng.

Nếu cứ để tình trạng giao thông bị trì trệ lâu dài trên Quốc Lộ 1, chỉ cách Sài Gòn chừng 16 cây số, sẽ tạo nên tâm lý bất an chung cho quần chúng tại Thủ Đô. Hơn nữa đây cũng là trục lộ xuyên Á chính, thông thương với các nước láng giềng Cambodia, Thailand, và Myanma, không thể bọn Việt cộng tự tung tự tác, cắt đứt, chặn đứng con đường huyết mạch này một cách công khai, trắng trợn như thế.

Vậy là, cuối cùng Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III phải điều động Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, đơn vị khắc tinh của Việt Cộng vào trận.

Biệt Đội 813 do Đại Úy Nguyễn Văn Hải chỉ huy, Biệt Đội 814 do tôi chỉ huy cùng Biệt Đội Thám Sát do Đại Úy Lưu Huyền chỉ huy, được quân xa vận chuyển từ Biên Hòa, đến đổ quân ngay trên Quốc Lộ 1, cách ngã ba Tân Phú Trung chừng 300 mét, và cách chỗ địch đóng chốt trên hai cây số. Bộ Chỉ Huy Hành Quân đặt ngay trong một khu nhà vườn kiên cố, bên cạnh Quốc Lộ 1. Đại Tá Phan Văn Huấn, Chỉ Huy Trưởng, đích thân chỉ huy trận đánh, sau khi đã bay bao vùng quan sát trận địa.

Khi trời bắt đầu sập tối, Đại Tá cho lệnh Biệt Đội 813 tiến

lên bên cánh trái, trái quân ém rộng sâu vào mặt sau khu dân cư, xa Quốc Lộ chừng 500 mét, bố trí phòng thủ, chờ lệnh. Biệt Đội 814 tiến lên bên phía phải, khoảng giữa Quốc Lộ 1 và Hương Lộ 2, cũng mở rộng tuyến phòng thủ vào các khu vườn, nhà ở của dân chúng, ém quân chờ lệnh.

Đến nửa đêm, theo đúng kế hoạch, Biệt Đội Thám Sát, lợi dụng bóng tối, đưa các Toán, men theo nương rẫy, vườn, nhà ở của dân để tiến lên tiến sát các vị trí chốt, nhất cử nhất động, tránh bị đề địch phát giác, xong tìm chỗ nguy trang, ẩn núp kín đáo qua đêm, chờ quan sát và phát giác vị trí của địch.

Qua hôm sau, Biệt Đội 813 và 814 được lệnh song hành nghi binh giả tấn công địch. Súng bắt đầu đồng loạt khai hỏa, nổ ran, nhưng Binh Sĩ đều nằm im tại chỗ, không xung phong vào vị trí địch. Địch tưởng đang đứng trước nguy cơ bị tấn công, đã trời đầu lên khỏi hầm hố, bắn trả dữ dội, nhưng chẳng kết quả gì cả. Đây chỉ là một mưu lược chiến thuật có tính cách để đánh lừa địch quân.

Suốt ngày này, hai Biệt Đội, tổ chức nhiều đợt tấn công giả vào vị trí của địch quân, làm cho chúng phải đặt trong tình trạng đối phó, không ngơi nghỉ.

Và, mỗi khi địch phản công, tức là chúng lay ông con ở bụi này, các Toán Thám Sát ẩn núp trong đêm, dễ dàng phát giác và xác địch các chốt của địch. Có nghĩa là địch đã hoàn toàn bất lợi vì đã để lộ vị trí.

Thế là, gần nửa đêm, các Toán Thám Sát nhổ chốt bắt đầu chuẩn bị khởi sự hành động, và hai Biệt Đội sẽ theo sau yểm trợ và bao vây chặn đứng đường rút chạy của địch. Chiến thuật nhổ chốt có tính toán này là sáng kiến độc đáo của Đại Tá Phan Văn Huân, Chỉ Huy Trưởng.

Bất cứ ở một trận chiến nào, hễ mỗi khi tác xạ yểm trợ bằng Súng Cối 60 ly, 81 ly, hay Pháo Binh, thì dù địch hay ta, nghe tiếng depart (tiếng nổ đạn đi), đều phải ẩn núp xuống hầm hố, giao thông hào, chờ cho dứt tiếng đạn đi và phát nổ ở một vài

nơi nào đó, mới trời đầu lên, sẵn sàng nghênh chiến trước mọi cuộc tấn công của đối phương. Đây là mấu chốt để phát kiến sở năng diệt chốt của các Chiến Sĩ Biệt Cách Nhảy Dù.



Biệt Kích Dù Lê Đức Lực và các CSVSQ Võ Bị.

Nếu không tính toán, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ trong việc sử dụng pháo cối để lừa địch, có khi lại trở thành nguy hiểm cho Binh Sĩ của ta mà không nhỏ được chốt địch. Đây là một hiệp đồng chuẩn xác, thuần thực giữa các Tổ Súng Cối và các Toán Thám Sát nhỏ chốt. Mỗi lần, Tổ Súng Cối cho bắn 10 quả, giả định như thế, chỉ có quả thứ nhất đến quả thứ bảy là có đạn nổ. Từ quả thứ 8 đến quả thứ 10 là đạn lép, chỉ có bắn đi mà không có đạn nổ.

Các Toán Thám Sát phá chốt, chờ đến hết quả thứ bảy, thì nhanh chân tiến lên gần các vị trí chốt của địch. Trong khi đó, địch vẫn chưa trời đầu lên khỏi miệng hố vì còn nghe tiếng đạn đi. Ngay khi địch đang chờ đạn nổ thì Toán phá chốt đã đến tận nơi, tung lựu đạn vào công sự. Địch ở bên trong khó toàn tính mạng.

Cứ như thế, các Toán Thám Sát diệt chốt, sau khi thanh toán xong một chốt, Toán phá chốt và Tổ Súng Cối lại tiếp tục

hiệp đồng để diệt chốt kế tiếp. Đến khi trời vừa hùng đông thì các chốt của địch dọc hai bên Quốc Lộ 1 cũng vừa diệt xong. Quân ta bắt sống được hai tù binh, một là y sĩ một khai là giáo viên, quê ở Bắc Việt. Những tên còn lại may mắn sống sót, thì bán sống bán chết, chạy về hướng đất thép, sâu vào phía trong khu vực Củ Chi. Nơi đây bọn chúng gặp phải các trung đội của Biệt Động 814 án ngữ, chờ sẵn tiêu diệt. Số đông còn lại rút chạy bán mạng về vùng Đức Hòa, Hậu Nghĩa, thì chúng rước lấy thảm họa chua cay vì đã lọt vào trận địa của một Thiết Đoàn M.113 đang bố trí mai phục. Gần cả một tiểu đoàn địch quân đã bị Thiết Giáp xóa sổ, tịch thu rất nhiều chiến lợi phẩm.

Tuy vậy, không phải thành công nào cũng được suông sẻ, thuận lợi mọi điều. Trong các lần đột kích phá chốt kế tiếp, địch đã liên lạc báo động cho đồng bọn, nên đã chống trả và đã gây thương tích cho Thiếu Úy Nguyễn Văn Xuân, Toán Trưởng Biệt Động Thám Sát, Trung Sĩ Châu Can, Hạ Sĩ Hoàng Biệt Động 814 và 13 binh sĩ cả hai Biệt Động Thám Sát và Biệt Động 813.

Ngay buổi sáng hôm đó, Quốc Lộ 1, đoạn đường từ ngã ba Tân Phú Trung đến Củ Chi đã được khai thông. Hàng loạt xe cộ từ hai hướng bị tắc nghẽn bấy lâu đã chạy qua chạy lại, bóp còi inh ỏi như thay lời chào mừng. Thịnh thoảng vài xe đồ, dân chúng ngồi bên trong đưa tay vẫy vẫy, hoan hô chúng tôi. Có người thò tay ra ngoài, cho ngón cái chỉ lên trời như biểu hiện một lời khen tặng các Chiến Sĩ Biệt Cách Nhảy Dù là “Number One” đấy.

Cũng trong ngày, Chính Quyển Xã Tân Phú Trung Hóc Môn và Quận Củ Chi, cùng một số dân chúng đã đến thăm viếng, ủy lạo các Chiến Sĩ Biệt Cách Nhảy Dù.

–“Đã một tuần qua, nay mới thấy nhẹ nhõm cả người..”
Có người dân vui mừng nói với chúng tôi như thế.

Áp dụng chiến thuật du kích chiến với phương cách lấy gậy ông đập lưng ông, cuộc hành quân phá chốt mở đường tại Tân

Phú Trung do hai Biệt Đội 813 và 814 và Liên Toán Thám Sát, đã hoàn tất chỉ trong vòng có một ngày hai đêm. Chiến thắng này càng làm giặc cộng gia tăng thêm nỗi khiếp sợ với Lính Biệt Cách Dù mà bọn chúng thường truyền khẩu, như một lời nhật tụng là: “*Bất cứ lính ngụy nào cũng đánh, nhưng phải tránh Biệt Cách Dù.*”

Tuy giao thông trên Quốc Lộ 1 đã được vãn hồi, nhưng vẫn cần truy lùng, triệt hạ tận gốc bọn địch còn lẩn khuất, ẩn trốn, có thể quay trở lại phá rối trị an trong khu vực này, thêm vào đó theo tin tình báo, trong vùng này có một số người thiên cộng, làm giao liên tiếp tế cho chúng. Vì thế, Biệt Đội 814 được lệnh ở lại đây, một mặt là kiện toàn an ninh cho dân chúng, trước khi trao lại cho Chính Quyền Quân Sự Địa Phương, mặt khác phát giác và tiêu diệt hạ tầng cơ sở của địch.

Với hai nhiệm vụ trên, hàng ngày tôi đưa các trung đội bố trí rải rác trên những con đường từ khu vực gia cư, dẫn đến các vùng canh tác để theo dõi, kiểm soát chặt chẽ về lương thực mang theo, về số lượng đi và trở về của cư dân. Nhờ đó mà khám phá ra được những thành phần nổi giáo, tiếp tay cho giặc.

Căn cứ vào những phát hiện nêu trên, tôi cho lệnh các trung đội, vào mỗi đêm đưa các tiểu đội đến mai phục tại vườn sau những ngôi nhà khả nghi. Quả nhiên, đến nửa khuya, một hai bóng đen xuất hiện, phía sau của một trong những căn nhà trên. Hạ Sĩ I Cư, Tiểu Đội Trưởng hô to ra lệnh các bóng đen đứng lại. Bọn chúng liêu lĩnh bỏ chạy. Tiểu Đội không nổ súng vì sợ đạn trúng dân, và làm khuấy động giấc ngủ, mà chỉ đuổi theo. Đến cuối vườn, hai bóng đen mất biến tăm dạng.

Đợi đến trời sáng, tôi lệnh cho Thiếu Úy Lại Đình Hội, Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 và Thiếu Úy Nguyễn Quang Mẫn, Trung Đội Trưởng Trung Đội 2, đưa quân đến bao vây khu vườn để lục soát. Khu vườn rộng khoảng nửa mẫu, chỉ trồng khoai lang, từng vồng khoai lớn song song và dài chừng

10 mét. Đưa tay vạch các dây khoai lang tìm kiếm, chẳng thấy tung tích gì, nhưng ngoài khu vườn này, hai tên địch không thể chạy thoát đâu xa được. Chắc hẳn phải có hầm hố, địa đạo ở quanh đâu đây mà thôi. Tôi tin là như thế nên lưu ý hai Sĩ Quan Trung Đội Trưởng cho rà soát kỹ lưỡng lại, cần thiết phải sử dụng cuộc xẻng, lưỡi lê, gắn vào đầu súng để đào bới, xăm xía sâu trên các vòng khoai, rãnh luống.

Khoảng nửa giờ sau, Trung Sĩ Nhân, Trung Đội Phó Trung Đội 2, sau khi thọc lưỡi lê sâu vào trong vòng khoai ở gần cuối luống, thì lưỡi lê ghim cứng vật gì đó, phải dùng hết sức với sự hỗ trợ của Hạ Sĩ Toàn, thì cả hai mới kéo lên cả một chùm rau lang, phủ trùm trên một tấm gỗ vuông vức. Ở bên dưới để lộ một cái hố sâu hơn một mét, thì ra đây là một cửa hầm bí mật. Vậy là không chạy đâu nữa, hai tên Việt Cộng đang ở dưới này. Giọng Thiếu Úy Mẫn chắc nịch vang lên:

- “Đầu hàng đi, không tôi cho lựu đạn xuống ngay bây giờ.”

Không đầy một phút sau, một tên Việt Cộng ló đầu ra khỏi miệng hầm, mặt trắng bệch, hai tay đưa lên trời, tên thứ hai cũng chui đầu lên, với vẻ mặt như còn ngái ngủ. Cả hai được kéo ra khỏi miệng hầm, tuổi chừng 16, 17, ngồi co ro giữa hai vòng rau. Điều tra tạm thời, với giọng Miền Bắc Trung Bộ, bọn chúng khai đơn vị là Tiểu Đoàn 9, Trung Đoàn 173, Sư Đoàn 7 Cộng Sản Bắc Việt, thâm nhập từ Miền Bắc vào Nam mới chỉ sáu tháng.

Nhìn hai tên Việt Cộng, tự dung trong lòng tôi tràn lên niềm thương xót và tội nghiệp. Với số tuổi này, chỉ có Việt Cộng mới cướp mất đi tuổi thơ của chúng và biến chúng trở thành một công cụ để thực hiện cái mưu đồ mà Việt Cộng rêu rao là “giải phóng miền Nam”.

ĐƯỜNG THI

MỜI THU

Xương

(KIỀU MỘNG HÀ)

*Khi mùa Thu chín, lá vàng rơi
Đất ẩm mù sương ẩm đậm trời
Vết nắng co ro, thêm cỏ úa
Cơn mưa lất phất... lối rêu phơi*

Trời chiều lãng đãng buông mây phủ
Gió thấp lang thang thả bụi cời
Chút lạnh se da, hoa ủ rũ
À ra, Thu gõ cửa, chào mời!

ĐÓN THU

Họa

(TƯỜNG THÚY)

*Đón gió heo may, lá rụng rơi
Mây giăng trắng cả một khung trời
Cúc vàng vương nắng, bên thêm cũ
Bướm trắng vờn hoa, cạnh dậu phơi*

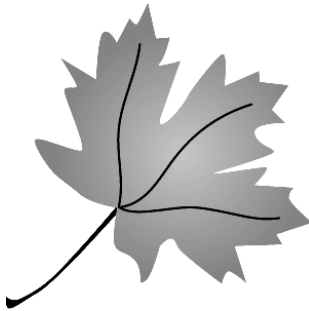
Thiếu nữ lắng hồn, khe khẽ hát
Lão bà chải tóc, nhẹ nhàng cời
Thu vàng thoáng chút se se lạnh
Của ngọn Thu phong, chẳng đợi mời.

HƯƠNG THU

Họa

(VI VẤN)

*Đã thấy Thu về, bông lá rơi
Xa xa thấp thoáng cánh chim trời
Mưa buồn da diết, hoa phong kín
Nắng nhạt đều hiu, cỏ úa phơ*
Khấp chồn tàn hoa, bông rủ xuống
Ngàn nơi cát bụi, thổi tung cời
Sương chiều rơi rớt, trời se lạnh
Vẳng tiếng Thu ca, hẳn gọi mời!



KHU XÓM NHÀ TÔI

Bích Lan 19/1

Buổi sáng thức dậy, tôi không thấy ông xã đâu. Tôi đoán như thường lệ anh dậy sớm, ra sau nhà hít thở không khí tự do, vung chân tay như tung cánh chim bay ra khỏi tổ sáng bình minh. Bước ra sân sau, cũng không thấy bóng dáng của anh, tôi hơi lo, vội chạy ra sân trước. Mừng quá, đã thấy anh. Mừng hơn nữa là anh đã treo hai là Quốc Kỳ Việt Mỹ ở nơi trang trọng nhất, vì hôm nay là ngày Lễ... Anh vượt cán cờ, ngược nhìn cờ nhẹ bay phất phơ theo gió, ra chiều đắc ý, vươn vai, miệng chum chím cười. Tôi cũng lây cái vui của chồng, hỏi:

- Hôm nay chân tay không đau nhức hay sao mà anh vui thế?

Anh nhẹ nhàng liếc tôi rồi trả lời:

- Sáng nay là ngày Lễ... anh treo cờ như mọi nhà. Cũng như mỗi buổi sáng, anh chào hỏi hàng xóm để mình sẽ nhận được nụ cười và lời tử tế.

Trả lời vợ xong, anh chồng nôi hứng đọc:

*Buổi sáng giờ tay hi bà Mỹ,
Hello bác Thái ở cách nhà.*

*Cụ Việt ngang qua chào mạnh giỏi
Morning ông Mễ gracia.*

Gớm chồng tôi cũng thơ cũng phú. cũng có tài làm thơ. Giỏi thiệt! Anh giờ tay cũng được những “hai” bà Mỹ.

Khu phố yên bình, gia đình chúng tôi ở đây nơi xứ tị nạn này đã 32 năm. Gần nửa đời người, các con lập gia đình, rồi có cháu. Mấy cháu ngoại cũng có công ăn việc làm rồi mà khu phố vẫn không có gì thay đổi. Ngày cuối tuần yên ắng, ngày lễ Tết muốn làm gì thì làm. Muốn treo cờ thì treo, không treo cũng chẳng ai bắt bẻ.

* * *

Không như ở quê hương nhà, những năm tháng sau ngày 30 Tháng 4!

Công an và tổ trưởng dân phố họp thông báo ngày hôm sau là ngày lễ. Chẳng cần biết là lễ gì, tất cả các gia đình đều phải treo cờ trước nhà. Công an khu vực rề rà trong xóm, buổi sáng sáu giờ mở cổng, tối 11 giờ đêm khoá cổng, còn lưu lại trong xóm tới 1-2 giờ khuya.

Những buổi họp dân phố, do hai công an khu vực kiểm soát; hay những hôm khu phố được phân phối mẻ cá, thúng củ mì (dù là cá ươn, củ mì đã chạy chỉ) khu xóm có chút ít nhộn nhịp. Tuy nhiên về đêm, mọi sinh hoạt như ngưng đọng lại. Yên lặng đến nỗi những mọi người nghe được cả những tiếng động của cành cây chạm vào nhau rung trong gió. Không còn ai ra ngoài vào giờ này vì ngại ngục. Nhìn ra ngoài nếu có, họ chỉ thấy lấp loáng bóng đen, bóng sáng di động trên nền đường khu xóm và tiếng chân sèn sệt chạm với lá khô. Đó là tiếng chân và bóng dáng của công an khu vực.

Trong xóm tôi có khoảng hơn 30 nóc nhà, 14 ông đi tù, bốn bà quả phụ. Ba nhà của ba gia đình vượt thoát 30 tháng Tư thì công an phường chiếm nhà. Xóm còn lèo tèo vài cụ hạ sĩ quan, nên khu phố thật thê thảm, vắng vẻ.

Ngoài đường, cứ vài đêm, trong cái tĩnh lặng của thành phố lại vang lên tiếng mô tô và xe GMC chạy từng đoàn, kèm theo là những tiếng la khóc của những gia đình Hoa Kiều bị đánh tư sản, chờ đi về vùng kinh tế mới.

Công an khu vực cứ lang thang trong xóm cả ngày lẫn đêm, ngó nhà này, dòm nhà kia, khi thì đầu xóm, lúc cuối xóm. Hắn ta nói dường như ban đêm như có ai lên vào xóm. Khi hắn ta ở đầu xóm thì cuối xóm có hai bóng đen như cầm gậy hay đeo súng. Hắn ta nói như vậy. Khi hắn tay chạy đuổi thì bóng đen cũng đi, cũng chạy, không bao giờ bắt kịp rồi mất dạng. Nếu hắn ta ở cuối xóm thì bóng đen ở đầu xóm. Cuối cùng hắn ta phải thú nhận đó là những bóng ma. Các ông hạ sĩ quan già cũng cho biết khu này trước kia là nhà thương của Pháp.

Hầu hết các sinh hoạt trong khu xóm giờ đây là theo dõi tìm tin tức của những người có chồng, có cha đi tù. Mới đầu họ tìm hiểu xem người thân của họ bị đem đi đâu. Rồi họ cùng nhau lên Quang Trung, rồi Suối Máu, Long Thành, Long Giao kiếm tìm.

Khi biết được nơi giam giữ chồng con của họ thì lại phải lo tích trữ lương thực để thăm nuôi.

* * *

Khu phố giờ đây hoang vắng ngay cả ban ngày. Một hôm, tôi đứng ngoài cửa ngõ hỏi thăm nhà của một chị:

- Có nhà không?

Không ai trả lời, chắc là chị ta lại thất thểu đi Suối Máu ngóng tin chồng.

Chị nhà cạnh bên trả lời trống không:

- Bà ấy đi từ sáng sớm, nhà chẳng còn có ma nào.

Nhà chẳng còn có ma nào. Khu phố vốn vắng lạnh lại càng vắng lặng hơn.

Chẳng có ma nào, nhưng sao lại có nhiều ma. Ma sống

đang lê lét khắp xóm, dòm nhà này, ngó nhà kia, cả ngày lẫn đêm kia kia; trong khi ma chết đang trêu chọc ma sống hàng đêm. Ma chết cũng về để được hưởng nhang khói, để nhớ lại khu xóm yên bình?

Cụ ông đang hát, hát mấy ngón tay, lẩm bẩm:

- “Tay anh dơ quá!”

Như cụ đang nói với một ai đó không phải tôi, khi tôi đã đặt chén cơm mời cụ.

Chỉ có cụ và tôi thôi mà. Cụ là bố chồng của chị Dung. Hôm nay chị đi thăm chồng đang tù tại Z30D, cụ chỉ nằm một chỗ. Cụ lại tiếp:

- Anh làm ơn ngồi xích ra cho bà này bà ấy ngồi. Đây tôi giới thiệu với anh, bà này cũng có chồng đi tù ở ngoài Bắc. Bà này đồng bóng lắm, nhưng rất tốt.

Cụ lại nói:

- Tôi giới thiệu với bà, đây là anh lính Nhảy Dù bị thương lòi ruột.

Ngó quanh chẳng có anh lính nào, tôi cũng rùng mình ớn lạnh.

Cụ còn kể chuyện rằng đêm vừa qua trời mưa cụ đi viếng Thánh Thất Cao Đài, Tây Ninh. Trời mưa lớn quá, bố con cụ nằm ngoài sân. Cô Dung, con dâu cụ nằm ngoài cùng, ướt hết cả cái lưng. Thấy họ đọc kinh lớn lắm.

Cuối đời cụ muốn tìm niềm tin cho tâm hồn, nhưng quyết định cứ giữ niềm tin mà các cụ Tổ Tiên đã theo, là Đạo Ông Bà.

Có phải son ăn tùy mặt, và những cái bóng mà anh công an khu vực cút bắt hằng đêm, có đúng là ma bắt tùy người? Đúng thật vậy không?

Bé Thủy, con anh Ba Thành, công an khu vực, chơi với các trẻ nhỏ trong xóm khi tổ dân phố đang chia lương thực,

tự nhiên trốn đâu không biết. Mấy đám nhỏ và cả người lớn kiếm cùng cả xóm mà chẳng thấy. Cháu Vân con thứ hai của tôi phát giác ra la lớn:

- Ô bé Thủy sao tài quá, đang trốn trên ngọn cây đa kia kia.

Cây đa trước nhà anh Ba Thành, có cành lá xum xuê, vài nhánh rễ tua tua từ thân cây thòng xuống chạm đất. Khi xưa lâu lắm rồi nơi đây có cái miếu bên cạnh, khách qua đường hay những anh lơ xe đồ thường ghé qua nhang khói, có khi thêm đĩa trái cây. Từ ngày công an chiếm căn nhà, anh ta phá miếu để rộng cái sân nhà anh ta.

Trông thấy con bé ngồi vắt vẻo trên cành cây đa mọi người hết hồn. Người lớn phải soi đèn, bắc thang mới mang con bé xuống được.

Cái khu xóm ngày xưa tập nập những mâu áo trận cùng giai nhân xiêm y rực rỡ, xe cộ đủ loại, cùng vài cái xe jeep cần câu ngất ngưỡng, loa mở ồn ào. Tiếng cười còn vui vẻ sau những buổi nhạc hội tung bừng ban đêm trở về ồn ào khu xóm.

Giờ đây khu xóm u buồn, chỉ còn vài bà quả phụ, hơn chục bà có chồng đi tù, vài ông hạ sĩ quan già. Giờ đây họ đang nương nhau để sống trong thời buổi gạo châu củi quế.

Một lần đang cơn giông bão, một cành cây rơi ầm xuống mái nhà trước nhà tôi. Mấy mẹ con tôi nhìn nhau biết rằng có được một số củi. Tôi và cháu lớn tám tuổi vội vã ra lôi cành cây trên mái nhà xuống. Vừa lúc đó ông hàng xóm, một trung sĩ gốc lực lượng đặc biệt, cũng đội mưa ra kéo giúp cành cây từ mái nhà xuống. Sau đó, anh chạy về nhà lấy cái cưa tay ra giúp tôi, cưa cành cây thành từng đoạn. Trong cơn mưa lạnh tôi chia hai đồng củi, phần những đoạn to cho anh ta và phần củi nhỏ hơn cho tôi để dễ chẻ vì sức yếu.

Đó những năm đầu sau 30 tháng Tư 1975, các ông chồng chủ gia đình đi tù hết. Thấy chúng tôi khó khăn thì những người đàn ông thường mang sức lực ra giúp chúng tôi. Ngược lại khi con cái họ đau ốm thì chúng tôi cạo gió hay chích lễ, vì

làm gì còn thuốc mà chữa bệnh. Nhờ trời thương tôi cũng mát tay, nên được cả khu xóm thương yêu. Giờ đây, tôi trở thành thầy lang chữa bệnh cho cả khu phố. Ngay cả khi gia đình cần rút nhau cũng tìm tới tôi để giúp phân xử êm đẹp.

Đang đêm con ông Kh gõ cửa:

- “Cô ơi, mẹ cháu mời cô qua. Ba cháu đang gây lộn với mẹ cháu.”

Anh chị Kh hơn tôi cả chục tuổi, nhưng tôi đã giúp các cháu của anh chị học hành. Khi tôi bán chui cho chị một cây vàng chị bán lại được một cây hai chỉ, chị đã đưa lại phần dư. Đó tình hàng xóm thân thiết chân thật.

Khi tôi tới nơi, tôi cảm thấy không khí trong nhà như hai con cọp đang hằm hè nhau, một vài cái chén vỡ dưới nền nhà.

Không cần biết đầu đuôi cuộc chiến, để hạ hỏa anh, tôi nói ngay với chị:

- Chị ơi! Bây giờ các ông là “vàng” đó. Trong xóm này còn được mấy ông. Đầu như ông nhà em cứ đi biệt, đêm nằm một mình lạnh lẽo lắm!

Rồi tôi quay sang anh:

- Anh làm gì mà nóng nảy, hàng phải bán hết mới về chứ. Chị yên trí mấy đứa nhỏ ở nhà đã có anh lo. Em đây này, ba đứa con nhỏ, thêm bà ngoại đã già rồi cũng phải coi cháu. Tin tưởng vào hàng xóm nên nhiều hôm cũng về muộn. Thời buổi này đâu có ai xứng đáng bằng chồng con mình.

Kiểu hòa giải huề vốn của tôi mà cũng giúp giải quyết được chuyện yên bề gia thất cho mọi nhà.

Thật vậy, những người đi kiếm tiền sau ngày oan nghiệt của đất nước đều là những phụ nữ chân yếu tay mềm, trước đây chỉ biết ôm con dựa vào ông chồng. Giờ chồng đi tù, ở vào cái thế “*cùng tắc biến, biến tắc thông*” không còn cách nào khác là bung ra buôn chái. Nói theo cụ Phan Bội Châu là: “*Bói đất cuộc cỏ mà nhét cho đầy bụng đói*”. Không phải

bụng đói của phụ nữ chúng tôi, mà là của các con cháu, và cái bụng trống của ông chồng trong trại giam!

Tôi đã cùng các chị quả phụ, vài chị vợ tù về Vùng Bốn mua thịt, đi tàu hoả ra Long Khánh mua cà phê, lên Tây Ninh mua đường, thuốc lá v.v... Buôn thúng bán bưng là nghề của “nàng” nên chúng tôi chẳng quản ngại gần xa. Sợ hãi nhất đó là việc “*ngăn sông cấm chợ*” của bọn cầm quyền, con mắt cú vọ của bọn “*kinh tế*” địa phương. Chúng tịch thu tất cả những gì chúng tôi mang theo từ nơi mua di chuyển đến nơi bán nên phải tránh né bọn “*tranh đấu cho khỏi bị trâu đánh*”, phải cất giấu trong người những gì có thể giấu.

Nói ra sợ quý bạn cười nhưng sự thật chúng tôi đã cật, cật giấu quanh người, đùi, bấp chân miếng thịt, cục đường, bao thuốc lá đem về bán kiếm chút đỉnh lời để sinh sống. Có những sự thật về các bà mang bầu, nói ra sợ quý ông cười, cười ra nước mắt là bụng bầu của các bà là những tảng thịt heo! Những tảng thịt heo được nịt chặt vào bụng làm cái bầu hầu qua mặt bọn kinh tế thị trường XHCN!

Trời ơi! Dưới xã hội chủ nghĩa bà bầu đẻ ra heo (thịt)!

Chúng tôi đã phải lê la khắp các chợ mua đi bán lại từ những vật dụng nhẹ, khi nguồn cung cấp đã cạn thì tới vật nặng như bàn ghế tủ giường, tất tần tật. Đi buôn thúng bán mẹt với các anh chị lớn tuổi được các anh chị bao bọc, còn một chút gì để mến để thương, được bảo vệ cũng yên lòng và an toàn, nhưng cũng làm các anh chị mệt tâm. Có lần một chị lớn tuổi nửa đùa, nửa thật phàn nàn:

- Có cô đi chung cũng vui, cười cho đời thêm tươi, nhưng phần lớn là ghệt thờ vì tụi nó thấy cô là bu lại như kiến ruồi bu tán đường. Chúng bu lại để tán cô, nhưng cô lại là tay chẳng vừa. Cười đùa mớic hợng mà chúng - những đứa học làm người có hiểu ngôn ngữ người xưa đuổi đầu nên lại cùng bu tới gần. Tụi nó tới gần làm “hàng họ” của chúng ta ứa nước..., muốn đứng tim. Thôi cô ở nhà coi con đi.

Thôi thì không đi buôn đường dài nữa, ở nhà coi con, bán trà đá lề đường và có nghề tay trái. Khi bác sĩ cũng đi ở tù, thì tôi làm lang băm giúp đời vậy. Bệnh nhân cũng là các cụ già nhưc đầu, chóng mặt, nhưc tay, nhưc chân. Các cháu ban nóng số mũi, nhưng cái bệnh đó thì khó kiếm thuốc.

Năm tháng cứ lặng lẽ trôi, một anh Khóa 14 chết trong tù trên tay anh Khóa 18 cùng xóm. Sau sáu năm, 10 năm các anh đã trở về. Trong xóm còn lại ba ông vẫn còn bị lưu đây, trong đó có chồng tôi! Tôi vẫn buôn bán ngoài lề đường, khi có bà con bị bệnh (*ngay cả các anh mới đi tù về nữa, mà các anh đi tù về lại hay bệnh hoạn*), tôi lại xách túi đồ nghề chích lễ, cao gió chữa bệnh. Đồ nghề cũng vồn vện vài miếng bóng đèn đập bể cho có mũi nhọn, lọ dầu trầm, bông gòn, đồng tiền cạo gió, lọ cùn. Gặp đâu chữa đấy, đâu đâu chữa đấy. Phước chủ, may thầy. Trời thương giúp bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ. Trừ bệnh đói!

Một lần ngang qua ngã tư, tôi thấy một chị đang bắt tỉnh, đưa con ngồi khóc mếu máo không biết làm gì. Tôi vội nói với viên công an đang đứng gần đó cho mượn cái phù hiệu có cây kim băng rồi hỏi quẹt lửa, hơ vội cái kim băng, chỉ lể hai huyết nhân trung và thái dương giữa trán. Chị ta tỉnh liền và tiện có xe cyclô đưa đi cấp cứu.

Chữa bệnh thì thân sơ cũng vui vẻ. Khi các anh trở về mà chồng tôi chưa về nên tôi cạo gió cho các anh mà cứ nghĩ là giúp bạn chồng.

Chúng tôi là cư dân của xóm chỉ mới đầu năm 75 chưa kịp chào hỏi ai thì chồng tôi đã vào tù. Khi chồng tôi trở về, dù chưa bao giờ gặp họ vẫn xử sự như đã thân tình từ lâu. Khi chồng tôi chưa về, dù tôi nhỏ tuổi nhất xóm các anh chị cũng đã bao bọc, bảo vệ tôi. Các anh chị nhiều khi còn hỏi ý kiến của tôi. Cám ơn tình huynh đệ chi binh, tình thương yêu chòm xóm.

Nhờ có cái máy đo áp huyết, chai thuốc tylenol và ít thuốc

bỏ các em từ Mỹ gửi về mà chồng tôi đã thay thế vợ - cô lang băm, để hành nghề xoa bóp, chích lễ, cạo gió, bấm huyết, giác hơi. Các cụ trong xóm khi nhức đầu sổ mũi lại ra nhờ chồng tôi đo áp huyết. Anh biểu cụ vài viên tylenol, vài viên thuốc bổ. Sáng hôm sau gặp lại, cụ khen thầy thuốc mát tay.

Ngược lại, khi chồng tôi đau cổ, nhức lưng thì anh năn nỉ tôi cạo gió, chích lễ. Anh bảo rằng trong tù, anh nhớ được những điểm mà má tôi chích lễ cho mấy bà hàng xóm khi xưa, và cho cả anh và mấy đứa con tôi. Anh đã giúp bạn bè khi bị cảm mạo trái gió trở trời lúc không có thuốc.

Những năm 90 của thế kỷ XX. Ôi trời! Viết tới đây, tôi thấy như đã xa lắm. Tuy nhiên tình cảm của những người quen biết của tôi vẫn không thay đổi. Các anh chị trong khu xóm qua định cư tại Mỹ theo diện HO, không hẹn nhưng vẫn quây quần bên nhau ít nhất là một lần mỗi năm, không kể tiệc tùng cưới hỏi.

Xin cảm ơn khu xóm ân tình.

